

Đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc - thực trạng và giải pháp

ĐINH TRỌNG THỊNH

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng, có đường biên giới chung hàng ngàn km cả trên biển và trên bộ, rất thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế và quan hệ qua lại. Hai nước có nhiều điểm tương đồng cả về chính trị, văn hóa, trình độ phát triển và có các quan hệ truyền thống lâu đời. Dưới sự lãnh đạo của hai Đảng Cộng sản, cả hai nước đang nỗ lực thực hiện việc chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Kể từ khi ký kết Hiệp định thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, với việc cắt giảm và bãi bỏ hơn 7.344 dòng thuế của Trung Quốc và nhiều dòng thuế của các nước ASEAN, kim ngạch buôn bán hai chiều Việt Nam - Trung Quốc đã tăng đột biến và trong năm 2006 đạt con số 10 tỷ USD. Đến năm 2005, Trung Quốc đã trở thành nhà nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam. Đến nay, Trung Quốc đã có hơn 400 dự án đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư hơn 700 triệu USD, đứng thứ 14 trong số các quốc gia đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc còn hạn chế, quy mô vốn đăng ký và tỷ lệ vốn đã thực hiện còn thấp.

1. Những thuận lợi đối với doanh nghiệp Việt Nam trong đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc

- Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đang phát triển mạnh mẽ cả về chính trị, văn hóa, xã hội... vì vậy các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc sẽ nhận được đầy đủ các chính sách ưu đãi của Nhà

nước hai bên và sự quan tâm thích đáng của cơ quan thương vụ Sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc. Chính phủ hai nước đã thống nhất kế hoạch xây dựng hai hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và một vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ trong kế hoạch hợp tác và phát triển kinh tế trung hạn và dài hạn giữa hai nước. Hiện nay, Trung Quốc và Việt Nam đã xây dựng được mạng giao thông toàn diện cả đường biển, đường bộ và đường hàng không. Đây là yếu tố địa chính trị rất quan trọng để các nhà đầu tư yên tâm trong quá trình đầu tư và có được sự hậu thuẫn cần thiết của các cấp chính quyền.

- Trung Quốc là một quốc gia có đường biên giới liên kề, có văn hóa tiêu dùng và có trình độ phát triển về kinh tế tương đồng với Việt Nam, do vậy, khi đầu tư vào Trung Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp nhiều thuận lợi về đầu tư, về tiêu thụ hàng hóa, về quan hệ với người lao động và ứng xử với bạn hàng. Hơn nữa, khu vực miền Tây Trung Quốc giáp biên giới Việt Nam là khu vực rất rộng lớn, dân cư đông, tài nguyên phong phú, mới bắt đầu quá trình mở cửa, cải cách kinh tế, thực hiện CNH - HDH trong ít năm gần đây nên trình độ phát triển chưa cao, đang rất cần vốn đầu tư và công nghệ của các nhà đầu tư nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc cũng có nhiều chính sách ưu đãi về thuế, về điều kiện đầu tư, thông thoáng về thủ tục hành chính để kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển khu vực này.

Đinh Trọng Thịnh PGS,TS, Học viện Tài chính.

- Trung Quốc có chính sách ưu đãi đầu tư thông thoáng, chính sách đối với các nhà đầu tư nước ngoài tương đối ổn định và đang là một địa chỉ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp Việt Nam có thể lựa chọn các ngành nghề, các lĩnh vực đầu tư mà mình có khả năng và có thế mạnh để đầu tư vào Trung Quốc với hiệu quả cao hơn đầu tư trong nước và được hưởng các ưu đãi cả từ phía Trung Quốc và cả từ phía Chính phủ Việt Nam theo Hiệp định ưu đãi đầu tư và Hiệp định tránh đánh thuế trùng đã được Chính phủ hai nước ký kết.

- Doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội kinh doanh một cách bình đẳng trong một thị trường cực kỳ rộng lớn với hơn 1,3 tỷ dân có thu nhập bình quân đầu người hàng năm trên 1.000 USD. Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể kinh doanh bền vững và tránh được các hàng rào thuế quan và phi thuế quan của nước chủ nhà và có thể mở rộng thị trường ra thế giới bên ngoài, vì Trung Quốc hiện đã là thành viên WTO, được hưởng các quy chế của thành viên tổ chức này, các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc cũng được hưởng các ưu đãi như các doanh nghiệp khác.

- Trung Quốc có một thị trường lao động rẻ và có rất nhiều nhà máy gia công, chế tạo linh kiện, phụ tùng của các nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Trung Quốc. Các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc có thể khai thác thế mạnh từ các cơ sở sản xuất, chế tạo phụ kiện này và chi phí nhân công rẻ để giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả đầu tư.

- Trung Quốc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc có thể tiếp xúc trực tiếp với thị trường vốn, máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại của Trung Quốc và của các nước khác trên thị trường Trung Quốc, có điều kiện tiếp thu công nghệ hiện đại và đổi mới cơ cấu sản xuất.

- Thực hiện đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có điều kiện nâng cao hiểu biết về luật pháp của Trung Quốc và ý thức chấp hành luật pháp, có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm quản lý tiên tiến, trình độ tổ chức, quản lý sản xuất của các doanh nghiệp Trung Quốc. Trên cơ sở đó có thể cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp Trung Quốc và doanh nghiệp các nước không chỉ trên trường quốc tế mà ngay cả trên thị trường trong nước.

2. Thực trạng đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc

Theo các số liệu chính thức của Cục đầu tư nước ngoài- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thì đến ngày 20-4-2006 các doanh nghiệp Việt Nam có 153 dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư là 655.276.304 USD, trong đó vốn pháp định là 414.381.277 USD tại 33 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tổng vốn đầu tư thực hiện là 15.278.316 USD. Riêng với Trung Quốc (kể cả Hồng Kông, Đài Loan) thì các doanh nghiệp Việt Nam chỉ đầu tư 7 dự án với tổng vốn đầu tư 3.848.858 USD, vốn pháp định là 2.786.858 USD.

Trong đó, Trung Quốc lục địa chỉ có 1 dự án với vốn đầu tư 1.880.000 USD, vốn pháp định là 958.800 USD do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Việt Trang liên doanh với phía Trung Quốc vào tháng 9-2005 thành lập Công ty liên doanh đầu tư xuất nhập khẩu Mê Kông, với thời hạn hoạt động 50 năm, đầu tư xây dựng Khu thương mại, cho thuê văn phòng, căn hộ kinh doanh, kho ngoại quan.

Hồng Kông có 4 dự án với vốn đầu tư là 1.500.858 USD, vốn pháp định là 1.285.858 USD. Trong đó bao gồm: Dự án đầu tư thành lập Công ty liên doanh Vosa Shipping Agencies của Đại lý hàng hải Việt Nam liên doanh với công ty Vigour Shipping and Enterprises Ltd., Hồng Kông tháng 7-1990 nhằm hoạt động đại lý hàng hải. Dự án đầu tư thành lập Công ty liên doanh VINATEX Hồng Kông với thời hạn hoạt động 20 năm để

tìm kiếm khách hàng, đơn hàng các sản phẩm của VINATEX do Tổng công ty Dệt may Việt Nam liên doanh với Goldsmart Ltd., Hồng Công vào tháng 9-2000 có tổng vốn đầu tư 228.000 USD, vốn pháp định 13.000 USD, bên Việt Nam đóng góp 6.500 USD. Dự án đầu tư thành lập công ty TNHH HP (Hồng Công) Holdings của Công ty TNHH Khải Đức vào tháng 11-2002 để kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may có thời hạn hoạt động 25 năm với vốn đầu tư 360.000 USD, vốn pháp định 360.000 USD. Dự án đầu tư hai điểm kết nối Hồng Công – Hoa Kỳ nhằm kết nối POP tại Hồng Công và Hoa Kỳ có thời hạn hoạt động 50 năm do Công ty thông tin Viễn thông Điện lực đầu tư vào tháng 12-2005 với tổng vốn đầu tư là 912.858 USD, vốn pháp định là 912.858 USD.

Đài Loan có 2 dự án với vốn đầu tư là 468.000 USD, vốn pháp định là 468.000 USD. Bao gồm dự án đầu tư thành lập Liên doanh dịch vụ thiết kế, giám sát xây dựng có thời hạn hoạt động 25 năm do Tổng công ty XNK xây dựng Việt Nam – VINACONEX liên doanh với Công ty Onchu International Co., Ltd - Đài Loan vào tháng 8-2000 với tổng vốn đầu tư 168.000 USD, vốn pháp định 168.000 USD, bên Việt Nam góp 50.000 USD. Dự án kinh doanh XNK tổng hợp tại Đài Loan với thời hạn hoạt động 10 năm của Xí nghiệp Tư doanh SX – KD hàng xuất khẩu Nguyễn Hoàng vào tháng 3-2005 với vốn đầu tư 300.000 USD, vốn pháp định

300.000 USD.

Nhìn chung, các dự án đầu tư được đăng ký của các doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc là trong lĩnh vực dịch vụ, và chủ yếu là dịch vụ xuất nhập khẩu. Vốn đầu tư của các dự án rất nhỏ bé, vốn góp của phía Việt Nam cũng rất khiêm tốn. Trong 3 dự án 100% vốn của phía Việt Nam đầu tư tại Trung Quốc thì có 2 dự án của các doanh nghiệp dân doanh với vốn đầu tư vài trăm ngàn USD; chỉ có dự án của công ty viễn thông điện lực có số vốn gần 1 triệu USD.

Một vấn đề mang tính nghiêm trọng là từ nhiều năm nay nhiều doanh nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh có biên giới chung với Trung Quốc khi thấy cơ hội đầu tư đã tự ý đầu tư sang Trung Quốc (kể cả Hồng Công, Đài Loan) mà không xin phép và đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Theo các số liệu thống kê của Trung Quốc, trên thực tế, ngay từ năm 1992 các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu chú ý tới việc thực hiện đầu tư vào thị trường đang trỗi dậy này. Năm 1994 được coi là cao trào của đầu tư trực tiếp nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam sang Trung Quốc với 141 dự án, có số vốn đăng ký 123 triệu USD và vốn thực hiện đạt 1,849 triệu USD. Tính đến cuối năm 2003, Việt Nam đã có tới 400 dự án đầu tư trực tiếp vào nền kinh tế Trung Quốc với tổng số vốn đăng ký là 297,04 triệu USD, tổng số vốn thực hiện đạt 57,3 triệu USD.

BẢNG 1: Đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào Trung Quốc giai đoạn 1992 – 2003

Đơn vị: Triệu USD

Năm	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	Tổng
Số dự án	28	100	141	88	1	3	4	1	7	6	5	16	400
Số vốn đăng ký	5,04	5,8	123	76,4	0,2	0,9	47,9	16,9	1,1	0,8	2,4	16,6	297,04
Số vốn thực hiện	0,9	1,2	1,8	28,3	1,5	1,5	14,1	0,1	0,6	1,5	2,5	3,3	57,3

Nguồn: Niên giám kinh tế mậu dịch đối ngoại Trung Quốc, Nxb Kinh tế mậu dịch đối ngoại Trung Quốc, năm 2004.

Theo số liệu của Trung Quốc thì các nhà đầu tư Việt Nam chủ yếu tập trung đầu tư vào lĩnh vực chế tạo, nhà hàng, dịch vụ... với vốn đầu tư đăng ký bình quân đạt khoảng 0,75 triệu USD cho mỗi dự án. Vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 19,3%. Vốn đầu tư chủ yếu được thực hiện tại các địa phương vùng Tây Nam Trung Quốc. Đây là một số vốn đầu tư nhỏ bé so với tổng vốn đầu tư mà Trung Quốc thu hút được trong cùng thời kỳ. Tuy nhiên, nếu xét trên phương diện vốn đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam lại là một con số rất lớn. Đặc biệt, nếu so với số lượng 153 dự án, trên 655 triệu USD đầu tư ra nước ngoài và số vốn thực hiện trên 15 triệu USD được đăng ký chính thức và so với số các dự án và số vốn được đăng ký chính thức đầu tư vào Trung Quốc thì đây lại là một con số đáng kể.

Mặc dù các số liệu này cần phải kiểm tra độ chính xác, nhưng việc các doanh nghiệp tự ý đầu tư và không đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam là vấn đề nghiêm trọng. Một phần nó làm giảm sút vai trò quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài của Việt Nam. Mặt khác, nó chứng tỏ nhu cầu và khả năng nắm bắt cơ hội của các nhà đầu tư Việt Nam trên thị trường Trung Quốc rất nhạy bén. Nhưng nó cũng cho thấy khả năng quản lý yếu kém và sự phức tạp trong việc quản lý và cấp phép đầu tư ra nước ngoài đã buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải đầu tư "chui". Như vậy, tính rủi ro của các dự án này sẽ cao vì không được hưởng sự bảo hộ chính thức của các Hiệp định mà Chính phủ hai nước đã ký kết.

3. Nguyên nhân hạn chế đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc

- Việt Nam và Trung Quốc có nhiều nét tương đồng về văn hóa, kinh tế, chính trị. Cơ cấu của nền kinh tế Trung Quốc có nhiều nét tương đồng với nền kinh tế Việt Nam. Trình độ phát triển của các khu kinh tế vùng duyên hải phía đông ở Trung Quốc

nhanh hơn và cao hơn trình độ phát triển của cả nước, do vậy các doanh nghiệp Trung Quốc ở những vùng này cũng tích cực đầu tư vào các vùng khác. Hơn nữa, Trung Quốc đang là một địa chỉ đầu tư hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài lọc lõi kinh nghiệm ở các nước phát triển. Chính vì vậy, việc tìm các ngành nghề thích hợp và các cơ hội đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam gặp những khó khăn nhất định.

- Tiềm lực tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung còn hạn chế. Tính bình quân chung, quy mô vốn hoạt động trung bình năm 2003 của các doanh nghiệp Việt Nam chỉ có hơn 1 triệu USD cho một doanh nghiệp. Quy mô vốn nhỏ nên các doanh nghiệp còn ít chú trọng tới chiến lược đầu tư dài hạn và xao nhãng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư cũng như địa bàn đầu tư. Các doanh nghiệp thực hiện đầu tư ra nước ngoài một phần do nhận thấy những cơ hội trước mắt ở Trung Quốc, một phần mang tính chất thăm dò thị trường rộng lớn và giàu tiềm năng này nên thời gian thực hiện dự án ngắn. Tuy nhiên, do năng lực tài chính yếu nên nhiều dự án đã được cấp phép đầu tư nhưng việc triển khai thực hiện còn chậm chễ.

- Hiểu biết của các doanh nghiệp Việt Nam về thị trường đầu tư, thị trường tiêu thụ Trung Quốc, về cơ hội đầu tư, về quản lý kinh tế của Trung Quốc nói riêng, về luật pháp và luật kinh tế Trung Quốc nói chung còn hạn chế, do vậy các doanh nghiệp còn dè chừng và đầu tư có tính chất thăm dò.

- Một thách thức quan trọng là năng lực cạnh tranh của phần lớn doanh nghiệp Việt Nam còn thấp, chính vì vậy không dám mạnh dạn tìm kiếm những mặt hàng, những ngành hàng để đầu tư vào Trung Quốc. Đây là yếu tố tư tưởng rất quan trọng khiến các nhà đầu tư không muốn bỏ công tìm kiếm khả năng đầu tư tại Trung Quốc. Trên thực tế, có rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư vào thị trường các nước phát triển hơn như Anh, Mỹ, Nhật Bản, Hàn

Quốc, Singapo, Pháp, Đức... Và chắc chắn, thị trường Trung Quốc đang có rất nhiều cơ hội đầu tư cho các doanh nghiệp Việt Nam.

- Một trong những thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam là cơ chế chính sách đảm bảo và khuyến khích đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam chưa thực sự tạo điều kiện cho các doanh nghiệp. Việc đăng ký và xin phép đầu tư ra nước ngoài ở Việt Nam còn phức tạp, các văn bản pháp luật còn nhiều hạn chế, mất nhiều thời gian và công sức, việc chuyển tiền ra nước ngoài để đầu tư và việc vay vốn để đầu tư ở nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa được phép mở chi nhánh hoặc thành lập doanh nghiệp ở nước ngoài...

- Hệ thống tự do hóa đầu tư của Trung Quốc và cả ở Việt Nam còn yếu, thể hiện rõ ở tính không minh bạch, hay thay đổi của các chính sách đầu tư gây khó khăn cho việc đầu tư. Để chống đầu cơ tiền tệ và ngoại hối, bảo vệ nguồn vốn trong nước trước sự tấn công của nguồn vốn nước ngoài, Trung Quốc, đặc biệt là ở cấp cơ sở vẫn còn có thái độ thận trọng với việc mở cửa thị trường vốn, áp dụng các biện pháp, chế độ quản lý ngoại tệ nghiêm ngặt, dè dặt trước nguồn vốn đầu tư nước ngoài, áp dụng quy trình thẩm duyệt chặt chẽ với việc nhập, xuất các nguồn vốn cũng như trong chuyển dịch ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

4. Các biện pháp chính sách nhằm thúc đẩy đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc

Các nước ASEAN và Trung Quốc đã quyết định đến năm 2010 sẽ thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA). Mục tiêu của ACFTA trong đầu tư là xây dựng một thể chế đầu tư tự do tiện lợi, minh bạch, có tính cạnh tranh trong FTA và thúc đẩy đầu tư quốc tế. Cơ hội để các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc đang rộng mở trong xu thế hợp tác đầu tư và hợp tác kinh tế của hai nước ngày một

tăng cường. Ngoài việc tiếp tục kiện toàn cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ sự hợp tác giữa hai nước và là cầu nối giữa Trung Quốc và ASEAN, Việt Nam cần chấn chỉnh và đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp vào Trung Quốc.

- Cục đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cần có biện pháp rà soát lại và chính xác hóa các dự án đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Trung Quốc (kể cả Hồng Công và Đài Loan). Đây là vấn đề cần thiết cấp bách để có thể hoạch định các chính sách khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào từng vùng lãnh thổ, đảm bảo lợi ích của các doanh nghiệp trong quá trình đầu tư ra nước ngoài, đồng thời nâng cao khả năng quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước. Cần có các biện pháp kiên quyết chấm dứt tình trạng đầu tư ra nước ngoài mà không đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Mặc dù tháng 6-2006, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định mới về việc khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài thay thế Nghị định 22/1999/NĐ-CP, nhưng các văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành vẫn chưa được ban hành. Vì vậy, cần nhanh chóng hoàn thiện và ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc cấp phép cho các doanh nghiệp, cơ chế đảm bảo vốn, cơ chế chuyển tiền và tài sản ra nước ngoài để đầu tư, cơ chế quản lý giám sát, các vấn đề về chính sách tài chính, chính sách thuế... đối với các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài để tạo thuận lợi cho việc đầu tư. Hơn nữa, cần thực hiện phân cấp một cách cụ thể, rõ ràng, và triệt để hơn nữa cho các tỉnh, thành phố trong việc cấp phép và quản lý các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, đảm bảo quản lý chặt chẽ, hợp lý các dự án đầu tư ra nước ngoài; đồng thời, giảm khối lượng công việc cho cơ quan quản lý tổng hợp.

- Cần nhanh chóng thành lập Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư vào từng

vùng lãnh thổ để có thể hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình đầu tư và kinh doanh có hiệu quả tại các vùng lãnh thổ đó. Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam tại các vùng lãnh thổ của Trung Quốc sẽ là cầu nối liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tư vào Trung Quốc, cùng với cơ quan thương vụ của Đại sứ quán thực hiện việc tìm hiểu thị trường đầu tư, tìm kiếm cơ hội đầu tư, giới thiệu các văn bản pháp luật, đường lối chính sách và các ưu đãi của từng vùng lãnh thổ đầu tư của Trung Quốc. Hiệp hội các nhà đầu tư sẽ là người phối hợp làm tăng sức mạnh trong đầu tư của các nhà đầu tư, bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư tại nước sở tại và có tiếng nói chính thức với các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam về các chính sách ưu đãi, chính sách quản lý với các doanh nghiệp đầu tư vào từng vùng lãnh thổ.

- Các cơ quan thương vụ của Đại sứ quán và các lãnh sự quán Việt Nam tại Trung Quốc cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước, các địa phương Việt Nam vùng giáp biên giới Trung Quốc tăng cường các hình thức tiếp xúc, giao lưu, trao đổi thông tin cả ở cấp trung ương và đặc biệt là với các cơ quan chính quyền địa phương nhằm tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tạo thuận lợi cho các doanh nhân và các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp vào các địa phương của Trung Quốc trên tinh thần các thoả thuận của lãnh đạo cấp cao hai nước và tinh thần hợp tác ASEAN- Trung Quốc. Đồng thời, tích cực đàm phán để đẩy nhanh việc thực hiện tự do hóa đầu tư, nâng cao tính minh bạch của các quy tắc, điều lệ, luật lệ đầu tư của hai nước.

- Cần kịp thời điều chỉnh chiến lược phát triển đầu tư cả về lĩnh vực đầu tư và phương thức đầu tư. Căn cứ vào Hiệp định khung ACFTA, Trung Quốc và ASEAN cam kết tăng cường hợp tác ưu tiên trong 5 lĩnh vực: nông nghiệp, kỹ thuật, công nghệ thông tin, khai thác nguồn nhân lực, đầu tư và khai thác lưu vực sông Mêkông. Ngoài ra, còn tiến tới rộng mở các lĩnh vực về ngân hàng, tài chính, du lịch, hợp tác công nghiệp, giao

thông, điện tín, bản quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, môi trường, kỹ thuật sinh học, ngư nghiệp, lâm nghiệp và sản phẩm lâm nghiệp, khai thác khoáng sản, năng lượng... Các doanh nghiệp Việt Nam cần tích cực tìm kiếm không gian phát triển ngành nghề để thực hiện đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc, tránh tình trạng quá tập trung vào một số ngành, dẫn đến tình trạng tự cạnh tranh lẫn nhau giữa các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường Trung Quốc như thời gian vừa qua. Đồng thời, cũng cần phát triển các phương thức đầu tư, khai thác thế mạnh của các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, kết hợp nhiều hình thức để có thể đầu tư nhanh hơn, nhiều hơn, với khối lượng vốn thực hiện lớn hơn vào Trung Quốc.

- Cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống dịch vụ đầu tư giữa Việt Nam- Trung Quốc. Cần thành lập các ngân hàng liên doanh Việt - Trung, hoặc các chi nhánh ngân hàng thương mại Việt Nam tại các địa phương giáp biên mà các doanh nghiệp Việt Nam đang đầu tư để phục vụ kịp thời, có hiệu quả hoạt động giao thương kinh tế và đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam. Do đầu tư ra nước ngoài liên quan trực tiếp đến an toàn tiền tệ quốc gia, bảo vệ bản quyền sở hữu trí tuệ, an toàn các ngành nghề nhạy cảm, an toàn các tài sản ở nước ngoài... nên hệ thống dịch vụ đầu tư Việt Nam cũng cần nghiên cứu, đề ra các biện pháp quản lý hữu hiệu, hoàn thiện hệ thống giám sát đầu tư nước ngoài để thúc đẩy sự phát triển của đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

- Cần thành lập Trung tâm chỉ đạo và xúc tiến đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc nhằm chỉ đạo, điều hành hoạt động đầu tư vào Trung Quốc thông qua việc công bố các thông tin về môi trường đầu tư, dự định đầu tư, các quy định về quản lý đầu tư của hai nước, các quy định về hành vi kinh doanh, ngăn chặn sự cạnh tranh không lành mạnh, cung cấp và trao đổi thông tin để các ban, ngành và doanh nghiệp hai nước tăng cường hiểu biết lẫn nhau... Đồng thời, đây cũng là

cơ quan thực hiện việc thường xuyên theo dõi, thống kê và phân tích đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình và xu thế đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc, kiểm nghiệm và đề ra các chính sách chỉ đạo và quản lý giám sát luồng vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào Trung Quốc.

Quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội giữa Việt Nam và Trung Quốc đang bước vào thời kỳ phát triển mới cả về số lượng và chất lượng. Cùng với bước tăng trưởng mạnh mẽ về kim ngạch thương mại mậu dịch và các quan hệ kinh tế giữa hai nước, cùng với việc nâng cao năng lực của các doanh nghiệp Việt Nam, với các biện pháp phù hợp về chính sách của Đảng và Chính phủ, hy vọng đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Việt Nam vào Trung Quốc trong thời gian tới sẽ

có bước phát triển vượt bậc, đem lại khả năng tăng trưởng mới và sức bật mới cho nền kinh tế quốc dân Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- PGS.TS. Đinh Trọng Thịnh: *Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp ra nước ngoài*. Nxb Tài chính- 2006.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo về tình hình đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam, năm 2005*.
- Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: *Quan hệ ASEAN - Trung Quốc với phát triển thị trường và thương mại Việt Nam*. Hà Nội – 2005.
- Các trang Website: [w.w.w.mof.gov.vn.](http://w.w.w.mof.gov.vn;); [w.w.w.mpi.gov.vn.](http://w.w.w.mpi.gov.vn;); [w.w.w.vnn.vn.](http://w.w.w.vnn.vn;); [w.w.w.mofcom.gov.cn.](http://w.w.w.mofcom.gov.cn;)...